

Số: 603 /BC-SKH

Đăk Nông, ngày 21 tháng 11 năm 2018

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển 11 tháng năm 2018 và các công trình chào mừng 15 năm thành lập tỉnh

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn 1157/VPUBND-TH ngày 12/11/2018, về việc chuẩn bị nội dung tổ chức Hội nghị đánh giá tình hình kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh tháng 11 năm 2018. Sau khi rà soát, phối hợp Kho bạc nhà nước và các chủ đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư 11 tháng năm 2018 và các công trình chào mừng 15 năm thành lập tỉnh, như sau:

#### I. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển tháng 11 năm 2018

##### 1. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2018 ước đến hết ngày 30/11/2018 (chi tiết tại phụ lục đính kèm)

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2018 do tỉnh quản lý là **2.444,555** tỷ đồng<sup>(1)</sup> (đã bao gồm các nhiệm vụ cuối năm mới thực hiện giải ngân như: trả nợ vay, hỗ trợ đầu tư các doanh nghiệp công ích, trích lập kinh phí đợt đặc, lập bản đồ địa chính với số tiền 99,612 tỷ đồng), trong đó: kế hoạch vốn giao năm 2018 là **2.262,748** tỷ đồng<sup>(2)</sup>, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 là 181,767 tỷ đồng. Ước khối lượng giải ngân lũy kế đến hết 30/11/2018 đạt **1.237,795** tỷ đồng, đạt 51% tổng kế hoạch, thấp hơn 26% so với cùng kỳ, trong đó: kế hoạch vốn giao năm 2018 đạt 50%, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 đạt 57%. Chi tiết tình hình giải ngân các nguồn vốn như sau:

(1) Nguồn vốn Cân đối Ngân sách địa phương **756,381** tỷ đồng, trong đó: kế hoạch vốn giao năm 2018 là 724,967 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 là 31,414 tỷ đồng. Ước giải ngân lũy kế đến 30/11/2018 đạt 581,135 tỷ đồng, đạt 78% kế hoạch, cao hơn 5% so với cùng kỳ; trong đó: kế hoạch vốn giao năm 2018 đạt 80%, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 đạt 40%. Đến nay, số vốn hơn 40 tỷ đồng thông báo sau đã phân bổ được 24 tỷ đồng giao cho các dự án có nhu cầu (còn khoảng

<sup>1</sup> Bộ Kế hoạch và Đầu tư mới có văn bản 7693/BKHĐT-TH ngày 30/10/2018, thống nhất cho phép kéo dài thời gian thực hiện 29,977 tỷ đồng vốn dự phòng bổ sung năm 2017 của đường Đạo Nghĩa – Quảng Khê, UBND tỉnh đã có Quyết định 1780/QĐ-UBND ngày 09/11/2018.

<sup>2</sup> Trong đó: vốn đầu tư phát triển 2.220,506 tỷ đồng; vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư 42,242 tỷ đồng.

16 tỷ đồng đang chờ HĐND tỉnh xem xét thông qua)<sup>(3)</sup>; một số dự án còn gặp vướng mắc trong GPMB, hồ sơ pháp lý, khả năng không thể giải ngân được, như dự án: Trụ sở làm việc Sở Ngoại vụ tỉnh Đăk Nông; Đường giao thông kết nối khu vực xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông với huyện Buôn Đôn, tỉnh Đăk Lăk;... đã được điều chuyển cho các dự án khác có nhu cầu.

(2) Nguồn vốn các Chương trình mục tiêu là **545,842** tỷ đồng, trong đó kế hoạch vốn giao năm 2018 là 484,968 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 là 60,874 tỷ đồng. Ước khối lượng giải ngân lũy kế đến hết 30/11/2018 đạt 374,526 tỷ đồng, đạt 69% kế hoạch, trong đó: kế hoạch vốn giao năm 2018 đạt 73%, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 đạt 33%. Nguyên nhân giải ngân thấp: Một số dự án bị vướng mắc kéo dài, nhất là vướng mắc GPMB như: Đường giao thông liên xã Trường Xuân - Nâm N'Jang, huyện Đăk Song; Đường Đăk Mâm đi Đòn 7(759) - Tỉnh lộ 3 đoạn từ Km0+000 đến Km0+900 và đoạn nối với trục N7 thị trấn Đăk Mâm; Trụ Sở làm việc Đoàn ca múa nhạc dân tộc tỉnh Đăk Nông<sup>(4)</sup>....; nhiều dự án khởi công mới còn chậm triển khai, đến nay vẫn chưa có khối lượng giải ngân như: Dự án Cấp bách sắp xếp, ổn định dân di cư tự do, ổn định an ninh chính trị khu vực biên giới xã Quảng Trực và xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức; Đường vào xã buôn Choah; Ông định dân cư biên giới xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông (giai đoạn 2)<sup>(5)</sup>....

(3) Nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia là **150,512** tỷ đồng (bao gồm 42,242 tỷ đồng nguồn sự nghiệp<sup>(6)</sup>), trong đó: kế hoạch vốn giao năm 2018 là 126,645 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 là 23,867 tỷ đồng. Ước khối lượng giải ngân lũy kế đến hết 30/11/2018 đạt 82,682 tỷ đồng, đạt 55% kế hoạch, cao hơn 28% so với cùng kỳ, trong đó: kế hoạch vốn giao năm 2018 đạt 46%, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 đạt 100%. Nhìn chung, tình hình giải ngân kế hoạch chương trình trong tháng 11 đã có nhiều chuyển biến tích cực, các huyện, thị xã đang tập trung nguồn lực để giải ngân số vốn chương trình giao, dự kiến cuối năm sẽ giải ngân hết kế hoạch được giao.

(4) Nguồn vốn ODA là **426,168** tỷ đồng, ước khối lượng giải ngân lũy kế đến hết 30/11/2018 đạt 134,382 tỷ đồng, đạt 32% kế hoạch; trong đó chỉ có Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên, tỉnh Đăk Nông giải ngân tốt, ước giải

<sup>3</sup> Trong đó gồm: số vốn thực hiện các chính sách hỗ trợ đã được HĐND tỉnh thông qua chi bố trí được cho 03 dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện năm 2017, còn lại hơn 2,3 tỷ đồng phải điều chuyển cho các dự án khác; 3 tỷ đồng dự kiến chuẩn bị đầu tư cho dự án Bảo tàng và 11 tỷ đồng dự nguồn cho Tỉnh lộ 1 cũng phải điều chuyển cho các dự án khác (đang chờ HĐND tỉnh xem xét).

<sup>4</sup> Trụ Sở làm việc Đoàn ca múa nhạc dân tộc tỉnh Đăk Nông bị vướng mắc kéo dài, khả năng không thể tiếp tục thực hiện được, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ KHĐT cho phép điều chuyển vốn giao cho dự án khác.

<sup>5</sup> Dự án ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông (giai đoạn 2) đến nay đã được BQL huyện Tuy Đức tạm ứng hơn 9 tỷ đồng nhưng do năng lực quản lý dự án còn thấp, nên dự án phải chuyển chủ đầu tư sang Ban QLDA các công trình nông nghiệp. Đến nay Ban QLDA các công trình nông nghiệp đang hoàn tất các thủ tục tiếp quản dự án và tổ chức rà soát, điều chỉnh dự án cho phù hợp theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh nên dự kiến không thể hoàn thành kế hoạch vốn được giao năm 2018.

<sup>6</sup> Mới được bổ sung 9,097 tỷ đồng tại Quyết định 1690/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh.

ngân hết 30/11/2018 đạt 70% kế hoạch giao; các còn lại giải ngân còn chậm, do chủ đầu tư còn chậm triển khai, thi công, ước không hoàn thành kế hoạch năm 2018 giao như: Dự án Chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây nguyên giai đoạn 2, tỉnh Đăk Nông (37%), Dự án hỗ trợ xử lý chất thải y tế bệnh viện, tỉnh Đăk Nông (16%), Tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Đăk Nông (1%). Tuy nhiên, do danh mục các dự án trong kế hoạch năm 2018 chủ yếu các dự án đã được bố trí đủ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 nên không thể thực hiện điều chỉnh kế hoạch vốn giao giữa các dự án.

Riêng dự án Chương trình mở rộng quy mô nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng thế giới giai đoạn 2016-2020<sup>(7)</sup>, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã rất quan tâm, chỉ đạo cơ quan điều phối Chương trình (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn), các đơn vị liên quan đôn đốc các chủ đầu tư triển khai dự án. Chương trình đã được UBND tỉnh phê duyệt với thông tin đầy đủ kèm theo danh mục các công trình xây dựng để giao nhiệm vụ cho UBND các huyện (chủ đầu tư) chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ, đề nghị giao kế hoạch vốn hàng năm để triển khai thực hiện. Tuy nhiên, đến nay, kế hoạch năm 2018 mới giao được 43.475,4/110.400 triệu đồng<sup>(8)</sup>, trách nhiệm này thuộc về UBND các huyện và cơ quan điều phối Chương trình (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn), do chậm hoàn thiện hồ sơ đề nghị giao vốn. Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đôn đốc UBND các huyện hoàn thiện hồ sơ để giao số vốn còn lại<sup>(9)</sup>.

(5) Nguồn vốn TPCP là **565,612** tỷ đồng, trong đó: kế hoạch vốn giao năm 2018 là 500 tỷ đồng để thực hiện dự án Hồ Gia Nghĩa, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 là 65,612 tỷ đồng để thực hiện Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020. Ước khối lượng giải ngân lũy kế giải ngân đến hết 30/11/2018 đạt 52,488 tỷ đồng, đạt 9% kế hoạch, trong đó: kế hoạch vốn giao năm 2018 đạt 1%, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 đạt 72%. Nguyên nhân giải ngân chậm: Đối với kế hoạch vốn năm 2018 chỉ phân bổ cho dự án Hồ Gia Nghĩa thực hiện nhưng đến nay dự án vẫn chưa có khối lượng giải ngân dự án, do năng lực tư vấn thiết kế dự án còn yếu, ngay từ lúc đi vào triển khai xây dựng phê duyệt dự án phải điều chỉnh nhiều lần về quy mô, dẫn đến chậm đi vào triển khai thực hiện. Đối với kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018, các huyện đang tập trung để giải ngân hết trước 31/12/2018.

<sup>7</sup> Chương trình được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 16/12/2016, với tổng kinh phí là 200.955 triệu đồng; trong đó vốn ODA là 184.078 triệu đồng (Trung ương cấp phát là 168.889 triệu đồng (vốn đầu tư là 159.111 triệu đồng, vốn sự nghiệp hành chính là 9.778 triệu đồng), UBND tỉnh vay lại là 15.189 triệu đồng), vốn đối ứng của địa phương là 16.877 triệu đồng do UBND các huyện bồi tri. Đến nay, vốn ODA được phân bổ 110.400 triệu đồng, vốn vay lại 5.173 triệu đồng.

<sup>8</sup> Tại Quyết định số 1030/QĐ-UBND, ngày 06/7/2018, số tiền là 35.550 triệu đồng; Quyết định số 1536/QĐ-UBND, ngày 27/9/2018, số tiền là 7.925,4 triệu đồng.

<sup>9</sup> Đến nay, huyện Đăk R'Lấp đã hoàn thiện hồ sơ của 07 công trình thuộc tiểu Hợp phần 2 của Hợp phần 1: Cấp nước và vệ sinh trường học và Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Tờ trình số 138/TTr-SKH ngày 09/11/2018 đề nghị UBND tỉnh xem xét, quyết định về việc giao kế hoạch năm 2018 vốn nước ngoài cấp phát từ ngân sách Trung ương, với số tiền là 2.010,0 triệu đồng cho huyện Đăk R'Lấp.

\* Nhìn chung, trong suốt quá trình quản lý và điều hành kế hoạch vốn đầu tư năm 2018, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh đã quan tâm, hướng dẫn, đôn đốc chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai giải ngân, tháo gỡ các vướng mắc cho các dự án trên địa bàn tỉnh. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn tháng 11 năm 2018 đã có nhiều chuyển biến tích cực, khối lượng giải ngân trong tháng ước đạt 250 tỷ đồng, tăng 150% so với tháng trước. Tuy nhiên, tình hình giải ngân toàn tỉnh so với cùng kỳ còn thấp, do các nguyên nhân kể trên, trách nhiệm này phần lớn thuộc về các chủ đầu tư. Các chủ đầu tư đang tập trung nguồn lực, đôn đốc nhà thầu tranh thủ mùa khô, đẩy nhanh tiến độ thi công. Uớc giải ngân kế hoạch đến hết cuối năm 2018 được **2.112,4 tỷ đồng**, đạt 86% kế hoạch, trong đó: tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn giao năm 2018 ước đạt 85%, kế hoạch vốn năm 2017 chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 ước đạt 99%.

## **2. Tiết độ triển khai thực hiện các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh Đăk Nông:**

### **2.1. Dự án Cơ sở hạ tầng kỹ thuật bên trong và bên ngoài hàng rào Khu công nghiệp Nhân Cơ:**

Dự án do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh làm Chủ đầu tư; lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2018 là 735,716 tỷ đồng (ngân sách Trung ương hỗ trợ 530 tỷ đồng; ngân sách tỉnh 205,716 tỷ đồng để thực hiện công tác GPMB). Trong năm 2018, ngân sách Trung ương bố trí 150 tỷ đồng (trong đó, hoàn ứng ngân sách tỉnh 35 tỷ đồng), và tỉnh cho ứng trước kế hoạch năm sau 30 tỷ đồng, nâng tổng kế hoạch sử dụng năm 2018 lên 180 tỷ đồng; ước thực hiện đến hết 31/10/2018 được 155,171 tỷ đồng, đạt 86% kế hoạch sử dụng.

Đến nay, dự án đã triển khai thực hiện cơ bản các hạng mục cơ bản đảm bảo yêu cầu cho Nhà đầu tư Trần Hồng Quân. Chủ đầu tư đang tiếp tục hoàn thiện các hạng mục hạng mục còn lại. Đồng thời, chỉ đạo nhà thầu thi công kịp thời xử lý, khắc phục các điểm sụt lún, các điểm ảnh hưởng đến người dân khu vực xung quanh dự án.

### **2.2. Dự án Trường cao đẳng cộng đồng:**

Dự án được UBND tỉnh phê duyệt đầu tư giai đoạn 01 tại Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 và điều chỉnh tại Quyết định 1439/QĐ-UBND ngày 01/9/2017, với tổng mức đầu tư 185,908 tỷ đồng, trong đó: nguồn vốn ngân sách Trung ương 110 tỷ đồng và nguồn NSDP là 75,908 tỷ đồng để thực hiện GPMB. Dự án do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh làm Chủ đầu tư. Lũy kế vốn bố trí đến năm 2018 là 122,21 tỷ đồng (trong đó: 84,21 tỷ đồng nguồn NSTW, 38 tỷ đồng nguồn NSDP). Trong năm 2018, dự án được bố trí 26 tỷ đồng, trong đó: nguồn ngân sách Trung ương 6 tỷ đồng và nguồn NSDP 20 tỷ đồng, ước giải ngân đến kỳ báo cáo nguồn ngân sách trung ương là 3,66 tỷ đồng, đạt 61%; số vốn nguồn NSDP đã hoàn tất các thủ tục để hoàn ứng ngân sách.

Đến nay, dự án đã thực hiện được 98% khối lượng xây lắp, cơ bản đáp ứng cơ sở hạ tầng thiết yếu đi vào hoạt động sau công bố quyết định thành lập trường. Tuy nhiên, do dự án vẫn chưa ký được Hiệp định vay vốn để tiếp tục triển khai dự án nên kế hoạch vốn giao năm 2018 giải ngân còn thấp (các gói thầu phải tạm dừng chờ sau khi ký Hiệp định mới có cơ sở tiếp tục triển khai).

### **2.3. Dự án Cáp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2014-2020:**

Dự án được UBND tỉnh phê duyệt đầu tư tại Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 31/10/2014, với tổng mức đầu tư 711 tỷ đồng, do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh làm Chủ đầu tư. Trong kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2016-2020, vốn bố trí cho dự án là 91 tỷ đồng. Lũy kế bố trí vốn cho dự án đến năm 2018 là 50 tỷ đồng; năm 2018 được bố trí 10 tỷ đồng, ước giải ngân đến hết 30/11/2018 được 8,254 tỷ đồng, đạt 82% kế hoạch.

Đến nay, dự án đã hoàn tất gói thầu 02XL, thực hiện đóng điện tại thôn 5 và 6, xã Đăk R' Măng, huyện Đăk Glong; thi công hoàn thành gói thầu 03XL tại thôn Năm Châu, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô; hoàn thành lắp đặt, nghiệm thu kỹ thuật với Điện lực Đăk Nông gói thầu 01XL tại thôn Đăk Quoeng, thôn Đăk RMăng, Thôn Đăk Krung, Bon ĐNRông B, Bon Mê Ra thuộc xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức và thi công hoàn thành trạm mới phát sinh tại thôn Đăk Quoeng. Đối với gói thầu số 04XL, hiện đã tiến hành đi vào khởi công tại thôn 11,12 xã Quảng Hòa, huyện Đăk Glong.

### **2.4. Dự án Hồ Gia Nghĩa:**

Dự án được Thường trực HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Công văn số 75/HĐND-VP ngày 28/3/2017, với tổng mức đầu tư 915 tỷ đồng, trong đó, vốn TPCP 700 tỷ đồng, còn lại nguồn vốn hợp pháp khác; được UBND tỉnh phê duyệt đầu tư tại Quyết định 1682/QĐ-UBND ngày 19/10/2017, với tổng mức đầu tư là 785 tỷ đồng, nguồn TPCP; và điều chỉnh dự án tại Quyết định 404/QĐ-UBND ngày 26/3/2018, Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 06/6/2018, 1294/QĐ-UBND 24/8/2018, phân tách dự án thành 2 tiêu dự án: (1) Tiêu dự án GPMB và khu tái định cư phía Đông Hồ Trung tâm và đường D2, giao cho UBND thị xã Gia Nghĩa làm chủ đầu tư, với TMĐT 545,855 tỷ đồng; (2) Tiêu dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục còn lại của dự án, giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh làm Chủ đầu tư, với TMĐT 239,145 tỷ đồng.

Năm 2018 dự án được bố trí 500 tỷ đồng; ước giải ngân đến kỳ báo cáo cáo dự án mới bắt đầu đi vào giải ngân tiêu dự án 2, được 5,572 tỷ đồng, đạt 1% kế hoạch. Đến nay, tiến độ triển khai dự án còn rất chậm, do quá trình thực hiện dự án phải điều chỉnh nhiều lần, cụ thể:

- Đối với tiêu dự án GPMB và tái định cư: đến nay, UBND thị xã Gia Nghĩa đang khẩn trương tập trung hoàn thiện công tác kiểm kê và phối hợp với UBND các xã, phường để xác nhận nội dung kiểm kê theo quy định. Đồng thời,

hoàn thiện hồ sơ về giá đất để trình thẩm định, phê duyệt phương án Bồi thường GPMB. Công tác giải quyết kiến nghị của các hộ dân đã giải quyết được các kiến nghị về kinh phí chi trả cho phương án bồi thường GPMB chi trả cho các hộ dân thuộc dự án Cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa; phạm vi GPMB đường K2 với đất giáo xứ Gia Nghĩa... Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, tiểu dự án gặp một số khó khăn, cụ thể: một số hộ dân vẫn chưa hợp tác trong công tác kiềm kê, cung cấp hồ sơ, thông tin..., việc lồng ghép chi trả cho các hộ dân thuộc dự án Cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa còn nhiều lúng túng, chưa có hướng dẫn cụ thể của Sở chuyên ngành, ngoài ra, việc di dời tái định cư các hộ dân vùng dự án phải thực hiện đồng bộ với các dự án tái định cư...

- Đối với Tiểu dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục còn lại của dự án: đã hoàn thiện hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công dự án, đảm bảo theo đúng chỉ đạo của tổ thẩm định 306 để trình Sở chuyên ngành thẩm định, phê duyệt.

### **2.5. Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê:**

Dự án do Ban QLDA DTXD các công trình giao thông tỉnh làm Chủ đầu tư, với tổng mức đầu tư 1.392 tỷ đồng, với chiều dài 46,316km; tuy nhiên, do Ngân sách Trung ương chỉ hỗ trợ cho dự án trong giai đoạn 2015-2020 là 255 tỷ đồng. Để phù hợp với nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, Chủ đầu tư đã trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh phân kỳ dự án đầu tư dự án tại Quyết định số 858/QĐ-UBND ngày 24/5/2017; trong đó, tập trung đầu tư xây dựng nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước, công trình phòng hộ, hệ thống an toàn giao thông và các công việc khác liên quan trong đoạn tuyến từ Km16+014 :- Km27+500, với tổng dự toán 247,5 tỷ đồng; các hạng mục còn lại của dự án sẽ thực hiện giai đoạn 2 khi xác định được nguồn vốn đầu tư.

Lũy kế bố trí vốn của dự án đến hết năm 2018 là 203,564 tỷ đồng; do trong năm 2017, dự án được bố trí 75,651 tỷ đồng (bao gồm 45 tỷ đồng nguồn dự phòng NSTW năm 2016), giải ngân đến ngày 31/01/2018 là 30,651 tỷ đồng, chỉ đạt 40,54%, nên trong kế hoạch năm 2018, dự án không được bố trí để tập trung giải ngân số vốn còn lại. Đến nay, dự án mới được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân 45 tỷ đồng, trong đó: đến kỳ báo cáo đã giải ngân được 15,02 tỷ đồng kế hoạch vốn năm 2017 giao; số vốn 29,98 tỷ đồng nguồn dự phòng NSTW năm 2016 mới được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho phép tiếp tục giải ngân, chủ đầu tư đang gấp rút hoàn tất hồ sơ, giải ngân số vốn này trước 31/12/2018.

Đến nay, dự án đã thi công đạt 65% khối lượng; tiếp tục thi công các hạng mục xây lắp đoạn Km16+014-Km27+500; đoạn Km6+485-Km16+014, phối hợp với UBND huyện Đăk R'lấp giải quyết các vướng mắc trong công tác giải phóng.

### **2.6. Dự án Hạ tầng kỹ thuật kết nối Khu nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh:**

Dự án được UBND tỉnh phê duyệt đầu tư tại Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 và được điều chỉnh tại Quyết định 921/QĐ-UBND 13/6/2018, với tổng mức 26,347 tỷ đồng, để đầu tư đường giao thông dài 673,4m từ nguồn vốn ngân sách tỉnh và thực hiện rà phá bom mìn. Lũy kế bố trí vốn đến năm 2018 là 15,345 tỷ đồng; trong đó năm 2018 là 14,605 tỷ đồng, ước thực hiện đến kỳ báo cáo đạt 2,969 tỷ đồng, đạt 20,3% kế hoạch; khối lượng thi công ước đạt khoảng 85% khối lượng hợp đồng và hoàn tất việc điều chỉnh dự án (bổ sung hạng mục rà phá bom mìn).

### **3. Giải pháp đẩy nhanh giải ngân kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 cho các tháng cuối năm**

(1) Đề nghị các đơn vị Chủ đầu tư đôn đốc các nhà thầu tăng ca, tăng kíp, tranh thủ mùa khô, đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch. Nhất là các dự án khởi công mới, sau khi hoàn tất các thủ tục đi vào đầu tư, khẩn trương thi công dự án, thực hiện nghiêm các chỉ đạo của UBND tỉnh về đẩy nhanh công tác giải ngân kế hoạch, đặc biệt là 02 dự án: Dự án Cấp bách sắp xếp, ổn định dân cư tự do, ổn định an ninh chính trị khu vực biên giới xã Quảng Trực và xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức; Đường vào xã buôn Choah; Ông định dân cư biên giới xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông (giai đoạn 2). Riêng các nguồn vốn chuyển nhiệm vụ chi, phê bình các đơn vị đến nay giải ngân còn thấp, chưa giải ngân hết (*chi tiết như phụ biểu đính kèm*); đồng thời, yêu cầu các đơn vị khẩn trương giải ngân hết số vốn chuyển nhiệm vụ chi trước 31/12/2018, trường hợp để kết dư, phải giải trình và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh.

(2) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia: Yêu cầu các huyện, thị xã trong 02 tháng cuối năm phải giải ngân được 100% kế hoạch giao, nhất là số vốn chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018, tránh gây kết dư lãng phí nguồn vốn; trường hợp đến cuối năm thực hiện giải ngân không đạt kế hoạch giao thì phải chịu kiểm điểm trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh.

(3) Đối với nguồn vốn ODA: Đối với dự án Chương trình mở rộng quy mô nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng thế giới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông, yêu cầu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong vai trò là cơ quan điều phối của Chương trình, tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các chủ đầu tư đẩy nhanh công tác hoàn thiện hồ sơ, thủ tục giao vốn để kịp thời giao số vốn còn lại trong tháng 12/2018. Riêng về số vốn đã được phân bổ của Chương trình, yêu cầu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sớm có giải pháp tháo gỡ các khó khăn để kịp thời giải ngân số vốn này.

(4) Đối với nguồn vốn TPCP:

Yêu cầu UBND các huyện khẩn trương đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn chuyển nhiệm vụ chi của Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017-2020. Trường hợp, đến hết 31/12/2018, không giải ngân hết kế hoạch vốn giao, để kết dư ngân sách thì phải chịu kiểm điểm trước Chủ tịch UBND tỉnh.

Đối với dự án Hồ Gia Nghĩa: Yêu cầu các Sở, ban ngành tiếp tục nâng cao nhận thức tầm quan trọng, vai trò triển khai thực hiện dự án, phải coi việc triển khai dự án như một công tác trọng tâm của tỉnh. Phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư dự án kịp thời tháo gỡ các vướng mắc của dự án. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên Môi trường, Sở Xây dựng theo chức năng nhiệm vụ của mình kịp thời tháo gỡ các vướng mắc của dự án về giá cây trồng, tài sản, vật kiến trúc và bố trí tái định cư, để UBND thị xã Gia Nghĩa sớm được hoàn thiện phương án GPMB, kịp thời đưa dự án đi vào triển khai trong năm 2018. Ngoài ra, yêu cầu Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh phối hợp chặt chẽ với UBND thị xã Gia Nghĩa xử lý dứt điểm những tồn đọng trong công tác GPMB của dự án Cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa; đồng thời, giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc nhà nước hướng dẫn UBND thị xã Gia Nghĩa trong việc lập phương án bồi thường, bố trí giải ngân các phương án đã phê duyệt nhưng chưa nhận tiền bồi thường theo đúng quy định.

Yêu cầu Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công để phê duyệt như kế hoạch đặt ra, đồng thời, có trách nhiệm trong việc xây dựng thiết kế dự án phải điều chỉnh nhiều lần. Trường hợp, do năng lực đơn vị tư vấn yếu, phải tham mưu UBND tỉnh ngay để kịp thời chuyển đơn vị tư vấn đủ năng lực.

Yêu cầu UBND thị xã Gia Nghĩa tiếp tục vận động toàn bộ máy chính trị, người dân ủng hộ, tạo điều kiện thực hiện dự án trong việc đền bù GPMB.

(5) Đề nghị các Chủ đầu tư phối hợp các Sở, ban ngành tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc các nhà thầu triển khai thi công, đảm bảo chất lượng công trình; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hợp đồng. Trường hợp gặp khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án phải báo cáo ngay cho UBND tỉnh để kịp thời tháo gỡ. Nhất là đối với các công trình dự án chào mừng kỷ niệm 15 năm thành lập tỉnh (do tỉnh quản lý) phải tập trung triển khai dự án, đưa các dự án đi vào sử dụng đối với các dự án chuyển tiếp, hoàn thành và đưa các dự án đi vào khởi công mới trong năm 2018 đảm bảo kế hoạch đặt ra.

## **II. Tình hình thực hiện các công trình chào mừng kỷ niệm 15 năm thành lập tỉnh**

Theo danh mục các dự án đầu tư chào mừng kỷ niệm 15 năm thành lập tỉnh tại Kế hoạch 68-KH/TU ngày 16/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đến nay, tình hình thực hiện các dự án cụ thể như sau:

### **1. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ Ngân sách Nhà nước**

#### **1.1. Các dự án hoàn thành năm 2018**

Trong danh mục danh mục các dự án đầu tư chào mừng kỷ niệm 15 năm thành lập tỉnh tại Kế hoạch 68-KH/TU ngày 16/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, có 03 dự án đầu tư từ Ngân sách Trung ương dự kiến hoàn thành năm 2018,

trong đó: chỉ có 01 dự án đã quyết toán hoàn thành trong năm 2018, 02 dự án còn lại vì một số lý do không thể hoàn thành năm 2018, không đạt kế hoạch đặt ra, chi tiết cụ thể các dự án như sau:

(1) Dự án Cơ sở hạ tầng kỹ thuật bên trong và bên ngoài hàng rào Khu Công nghiệp Nhân Cơ: dự án do Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh làm chủ đầu tư; đến nay, dự án đã cơ bản hoàn thiện các hạng mục cơ bản đảm bảo yêu cầu cho Nhà đầu tư Trần Hồng Quân, cụ thể: đã hoàn thành xong gói San nền và gia cố mái taluy lô 9,1 ha khu nhà ở chuyên gia và nhà ở công nhân (thuộc gói thầu 01XL); Các gói thầu thầu 02XL San nền và gia cố mái taluy lô nhà máy luyện nhôm, gói thầu 03XL San lấp và gia cố mái taluy khu phụ trợ, gói thầu 04XL hạng mục Đập ngăn nước và nạo vét lòng hồ, gói thầu 06XL và gói thầu 07 XL đã cơ bản hoàn thành, khôi lượng các hạng mục cơ bản đạt trên 80%.

Tuy nhiên, do thời tiết mưa nhiều và một số hạng mục còn gấp vướng mắc, dự án thực hiện còn chậm so với kế hoạch đặt ra.

(2) Dự án Đường từ Bệnh viện đa khoa tỉnh đi Lê Thánh Tông, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông: dự án do UBND thị xã Gia Nghĩa làm chủ đầu tư, được phê duyệt đầu tư tại Quyết định 1427/QĐ-UBND ngày 31/10/2012, của UBND tỉnh và điều chỉnh tại Quyết định 2024/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND thị xã Gia Nghĩa, với TMĐT 74,060 tỷ đồng, đầu tư từ nguồn NSTW.

Đến nay, dự án đã được bố trí 60,696 tỷ đồng, thực hiện được 96% khôi lượng, cơ bản các hạng mục để đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, do trong quá trình thực hiện, một số hộ dân khiếu kiện kéo dài gây phát sinh tăng chi phí đèn bù, GPMB. Mặt khác, mật độ dân cư tại khu vực dự án gia tăng, làm tăng nhu cầu đi lại, do đó để đảm bảo nhu cầu đi lại thực tế, đảm bảo an toàn trong lưu thông, phải thay đổi kết cấu mặt đường tại lý trình Km0+00 đến Km0+167,40, làm phát sinh tăng khôi lượng, phải điều chỉnh TMĐT dự án mới đảm bảo dự án được đầu tư hoàn thiện, trong khi vốn đầu tư trung hạn của dự án không đáp ứng đủ (về nội dung này Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 tại Tờ trình số 5373/TTr-UBND ngày 25/10/2018). Do đó, dự án buộc phải kéo dài chưa thể hoàn thành như dự kiến đặt ra.

(3) Dự án Nâng cấp tỉnh lộ 5, đoạn từ trung tâm xã Nghĩa Thắng đến trung tâm xã Đạo Nghĩa, huyện Đăk R'lấp: dự án do UBND huyện Đăk R'lấp làm chủ đầu tư, được phê duyệt tại Quyết định 1727/QĐ-UBND, ngày 31/10/2013, với TMĐT 60 tỷ đồng. Đến nay, dự án đã hoàn thành, được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 và đã bàn giao cho Sở Giao thông Vận tải quản lý, sử dụng.

## **1.2. Các dự án khởi công mới năm 2018 cấp tỉnh quản lý**

Trong danh mục danh mục các dự án đầu tư chào mừng kỷ niệm 15 năm thành lập tỉnh tại Kế hoạch 68-KH/TU ngày 16/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, có 03 dự án đầu tư từ Ngân sách Trung ương và TPCP, được khởi công mới

năm 2018 để chào mừng lễ kỷ niệm, trong đó: đến nay, chỉ có 01 dự án đã đi vào mở mới triển khai thi công đúng tiến độ, chi tiết cụ thể các dự án như sau:

(1) Dự án Hồ Gia Nghĩa, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông: dự án được phân tách dự án thành 2 tiểu dự án: (1) Tiểu dự án GPMB và khu tái định cư phía Đông Hồ Trung tâm và đường D2, giao cho UBND thị xã Gia Nghĩa làm chủ đầu tư, với TMĐT 545,855 tỷ đồng; (2) Tiểu dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục còn lại của dự án, giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh làm Chủ đầu tư, với TMĐT 239,145 tỷ đồng. Năm 2018 dự án được bố trí 500 tỷ đồng.

Mặc dù, dự án luôn được Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo, các Sở ban ngành phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư để triển khai thực hiện dự án. Tuy nhiên, đến nay tiến độ triển khai dự án còn rất chậm, quá trình thực hiện dự án phải điều chỉnh nhiều lần, đến nay mới giải ngân được 1% kế hoạch.

(2) Dự án Đường vào xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức: Dự án do Ban quản lý dự án huyện Tuy Đức làm chủ đầu tư, được phê duyệt tại Quyết định 1081/QĐ-UBND ngày 30/6/2017, với TMĐT 170 tỷ đồng, trong đó giai đoạn I 90 tỷ đồng, quy mô đầu tư nền móng mặt đường dài 17,659 km; năm 2018 được bố trí 33 tỷ đồng. Đến nay dự án đã giải ngân được 96% kế hoạch giao, thực hiện được khoảng 25% khối lượng dự án.

(3) Dự án Đường giao thông về xã Buôn Choah, huyện Krông Nô: Dự án do Ban quản lý dự án huyện Krông Nô làm chủ đầu tư, được phê duyệt đầu tư tại Quyết định 1718/QĐ-UBND ngày 31/10/2017, điều chỉnh tại Quyết định 2174/QĐ-UBND ngày 24/9/2018, với TMĐT 80,468 tỷ đồng, sử dụng nguồn NSTW. Năm 2018, dự án được bố trí 15,6 tỷ đồng, đến nay, dự án mới được đấu thầu xong, đi vào thi công thực hiện.

### **1.3. Các dự án cấp huyện quản lý**

Trong danh mục danh mục các dự án đầu tư chào mừng kỷ niệm 15 năm thành lập tỉnh tại Kế hoạch 68-KH/TU ngày 16/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, có 06 dự án đầu tư từ Ngân sách cấp huyện của các huyện: Đăk Mil (01 dự án), Đăk R'lấp (01 dự án), Cư Jút (02 dự án), Krông Nô (02 dự án), trong đó: đến nay, các dự án đã đi vào mở mới, triển khai thi công đúng tiến độ, chi tiết cụ thể các dự án như sau:

(1) Huyện Đăk Mil: dự án Nâng cấp trực đường Hùng Vương, thị trấn Đăk Mil: dự án được khởi công nâng cấp, xây dựng từ tháng 6/2017, với TMĐT 13,776 tỷ đồng, sử dụng nguồn ngân sách cấp huyện. Đến nay, dự án đã thực hiện được khoảng 42% khối lượng, dự kiến sẽ hoàn thành vào cuối năm 2018.

(2) Huyện Đăk R'lấp: dự án Trung tâm văn hóa – Thể thao huyện Đăk R'lấp: dự án được khởi công thực hiện năm 2018, với TMĐT 14,95 tỷ đồng, sử dụng nguồn ngân sách cấp huyện. Đến nay, dự án đã thực hiện hoàn thành phần

san lấp mặt bằng, hiện đang đi vào thi công phần móng chính (hội trường 300 chỗ), khối lượng thực hiện được khoảng 25%.

(3) Huyện Cư Jút:

Dự án Đường giao thông kết nối từ thị trấn Ea Tling đến UBND xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút: được đi vào khởi công tháng 6/2018, với TMĐT 4 tỷ đồng, sử dụng nguồn ngân sách cấp huyện. Đến nay, dự án đã thực hiện được 90% khối lượng, dự kiến dự án sẽ hoàn thành trong năm 2018.

Dự án Đường điện chiếu sáng từ thị trấn Ea Tling đến xã Trúc Sơn, huyện Cư Jút: được đi vào khởi công năm 2018, với TMĐT 4 tỷ đồng, sử dụng nguồn ngân sách cấp huyện. Đến nay, dự án đã thực hiện được 50% khối lượng, dự kiến dự án sẽ hoàn thành trong năm 2018.

(4) Huyện Krông Nô:

Dự án Sửa chữa, nâng cấp đường Quang Trung – Huỳnh Thúc Kháng – Trường Chinh: được đi vào khởi công tháng 5/2018, với TMĐT 9,64 tỷ đồng, sử dụng nguồn ngân sách cấp huyện. Đến nay, dự án đã thực hiện được 40% khối lượng, dự kiến dự án sẽ hoàn thành trong năm 2018.

Dự án Hồ Trung chuyển xã Nam Đà: được đi vào khởi công năm 2018, với TMĐT 10 tỷ đồng, sử dụng nguồn ngân sách cấp huyện. Đến nay, dự án đã thực hiện được 65% khối lượng, dự kiến dự án sẽ hoàn thành trong năm 2018.

## **2. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ Ngân sách Nhà nước**

Đến nay, các công trình đầu tư ngoài ngân sách đã hoàn thành đi vào sử dụng 02/02 dự án, tiến hành giao đất 02/04 dự án khởi công mới, chi tiết cụ thể như sau:

### **2.1. Các dự án hoàn thành năm 2018**

(1) Trung tâm Bảo trợ xã hội nhà may mắn: dự án do Nhà đầu tư Tổ chức Maison Chance đầu tư, với mức đầu tư 48,241 tỷ đồng, đến nay Nhà đầu tư đã cơ bản hoàn thiện dự án, hiện đang được thẩm định cấp phép cho vào hoạt động.

(2) Nhà máy chế biến tiêu xuất khẩu: dự án do Nhà đầu tư Công ty Cổ phần Sam nông nghiệp công nghệ cao đầu tư, với mức đầu tư khoảng 37 tỷ đồng, đến nay Nhà đầu tư đã hoàn thành dự án đưa vào sử dụng.

### **2.1. Các dự án khởi công năm 2018**

(1) Trung tâm đào tạo cộng đồng Hiểu về trái tim – Đăk Nông & Trường Tiểu học Hiểu về trái tim Đăk Nông: dự án do Nhà đầu tư Công ty Cổ phần giáo dục Hiểu về trái tim đầu tư, với mức đầu tư 30 tỷ đồng, đến nay Nhà đầu tư đã được thuê đất, tiến hành thuê đơn vị xây dựng dự toán đi vào xây dựng.

(2) Dự án Nhà máy điện mặt trời Cư Jút: dự án do Nhà đầu tư Công ty Cổ phần thủy điện miền Trung đầu tư, với mức đầu tư 1.250 tỷ đồng, đến nay Nhà đầu tư đang được hoàn tất các thủ tục giao đất.

(3) Dự án Nhà máy điện mặt trời Trúc Sơn -44,4MWp: dự án do các Nhà đầu tư Công ty Univergy K.K, Công ty Europe Clean Energies Japan K.K, Công ty Cổ phần tập đoàn Truyền thông thanh niên đầu tư, với mức đầu tư 1.108 tỷ đồng, đến nay Nhà đầu tư đang được điều chỉnh chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (về thời gian thực hiện và địa điểm chuyển từ xã Trúc Sơn về xã Tâm Thắng, huyện Cư Jut, cho phù hợp với quy hoạch<sup>(10)</sup>), nên không đảm bảo triển khai theo đúng kế hoạch đề ra.

(4) Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng thiền, Hiếu về trái tim: dự án do Nhà đầu tư Công ty Cổ phần du lịch Hiếu về trái tim đầu tư. Hiện nay, dự án đang chờ được xem xét, đầu tư sau khi xây dựng đề án phát triển môi trường rừng tại Khu bảo tồn Nam Nung, không đảm bảo triển khai theo đúng kế hoạch đề ra.

Để đảm bảo các nội dung khen thưởng dịp kỷ niệm 15 năm thành lập tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị UBND tỉnh xem xét gia hạn thời gian đến 05/12/2018, để Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, phối hợp với các chủ đầu tư báo cáo UBND tỉnh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

*Noi nhận:*

- UBND tỉnh (b/c)
- Sở Tài chính;
- Kho bạc nhà nước;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, THQH (Hương).

**GIÁM ĐỐC**



Lưu Văn Trung

<sup>10</sup> Về quy hoạch, đến nay Bộ Công thương đã chấp thuận điều chỉnh quy hoạch.

Phụ lục 01

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2018 UỚC ĐẾN HẾT NGÀY 30/11/2018

(Kèm theo Báo cáo số 603 /BC-SKH ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT            | Chương trình/ngành, lĩnh vực   | Tổng số kế hoạch |                  |                | Kế hoạch vốn năm 2017<br>được cấp có thẩm quyền<br>cho phép kéo dài |                |            | Kế hoạch năm 2018 |                  |                | Ước khối lượng giải ngân từ đầu năm đến hết ngày<br>30/11/2018 |                  |                |                |            | Tỷ lệ giải ngân                   |  |  | Ghi chú |
|----------------|--|------------------|------------------|----------------|---|----------------|------------|-------------------|------------------|----------------|--|------------------|----------------|----------------|------------|-----------------------------------|--|--|---------|
|                |  | Tổng số          | Trong nước       | Nước ngoài     | Tổng số   | Trong nước     | Nước ngoài | Tổng số           | Trong nước       | Nước ngoài     | Tổng số  | Trong nước       | Nước ngoài     | Trong nước     | Nước ngoài | Tỷ lệ giải ngân của tổng kế hoạch | Tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn giao năm 2018 | Tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn chuyên nhiệm vụ chỉ sang 2018 |         |
| <b>TỔNG SỐ</b> |  | <b>2.444.515</b> | <b>2.018.347</b> | <b>426.168</b> | <b>181.767</b>  | <b>181.767</b> | <b>0</b>   | <b>2.262.748</b>  | <b>1.836.580</b> | <b>426.168</b> | <b>1.237.795</b>   | <b>1.000.048</b> | <b>134.382</b> | <b>103.365</b> | <b>0</b>   | <b>51%</b>                        | <b>50%</b>                                 | <b>57%</b>   |         |
| <b>I</b>       | <b>VỐN ĐTPT NGUỒN NSNN</b>   | <b>2.444.515</b> | <b>2.018.347</b> | <b>426.168</b> | <b>181.767</b>  | <b>181.767</b> | <b>-</b>   | <b>2.262.748</b>  | <b>1.836.580</b> | <b>426.168</b> | <b>1.237.795</b>   | <b>1.000.048</b> | <b>134.382</b> | <b>103.365</b> | <b>-</b>   | <b>51%</b>                        | <b>50%</b>                                 | <b>57%</b>   |         |
| 1              | Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương ( bao gồm các khoản trả nợ vay và hỗ trợ doanh nghiệp) | 756.381          | 756.381          | -              | 31.414  | 31.414         |            | 724.967           | 724.967          |                | 593.717  | 581.135          |                | 12.582         |            | 78%                               | 80%  | 40%  |         |
| 2              | Các chương trình mục tiêu  | 545.842          | 545.842          | -              | 60.874  | 60.874         |            | 484.968           | 484.968          |                | 374.526  | 354.526          |                | 20.000         |            | 69%                               | 73%  | 33%  |         |
| 3              | Các chương trình mục tiêu quốc gia (bao gồm vốn sự nghiệp)   | 150.512          | 150.512          | -              | 23.867  | 23.867         |            | 126.645           | 126.645          |                | 82.682   | 58.815           | -              | 23.867         | -          | 55%                               | 46%  | 100%   |         |
| -              | <i>Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững</i>  | 68.298           | 68.298           |                | 15.953  | 15.953         |            | 52.345            | 52.345           |                | 38.255   | 22.302           |                | 15.953         |            | 56%                               | 43%  | 100%   |         |
| -              | <i>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>   | 82.214           | 82.214           |                | 7.914   | 7.914          |            | 74.300            | 74.300           |                | 44.427   | 36.513           |                | 7.914          |            | 54%                               | 49%  | 100%   |         |
| 4              | Vốn nước ngoài (ODA)   | 426.168          | -                | 426.168        | -   |                | 426.168    |                   | 426.168          | 134.382        |  | 134.382          |                |                |            | 32%                               | 32%  |  |         |
| 5              | Vốn TPCP   | 565.612          | 565.612          | -              | 65.612  | 65.612         |            | 500.000           | 500.000          |                | 52.488   | 5.572            | 0              | 46.916         | 0          | 9%                                | 1%   | 72%  |         |
| -              | <i>Thiбы lợi</i>   | 500.000          | 500.000          |                | -   |                |            | 500.000           | 500.000          |                | 5.572  | 5.572            |                |                |            | 1%                                | 1%   |  |         |
| -              | <i>Chương trình kiên cố hóa trường lớp học</i>   | 65.612           | 65.612           |                | 65.612  | 65.612         |            | -                 |                  |                | 46.916   |                  |                | 46.916         |            | 72%                               |  | 72%  |         |

Phụ lục 02

DANH MỤC CÁC ĐƠN VỊ GIẢI NGÂN THẤP, CHUA GIẢI NGÂN SỐ VỐN CHUYÊN NGHIỆM VỤ CHI

(Kèm theo Báo cáo số 603 /BC-SKH ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Nông)

DVT: Triệu đồng

| STT            | Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)  | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Chủ đầu tư                                 | Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm  |         |                | Lũy kế bồ trí vốn đến hết năm 2017 |                | Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018 |                        |                           | Tình hình giải ngân Kế hoạch năm 2017 kéo dài đến hết 31/10/2018 | Tỷ lệ giải ngân kế hoạch chuyển nhiệm vụ chi | Ghi chú                                |
|----------------|--|----------|------------------|--|--|---------|----------------|------------------------------------|----------------|--|------------------------|---------------------------|--|--|--|
|                |  |          |                  |  | Số quyết định  | TMĐT    | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)     | Trong đó: NSNN | Tổng kế hoạch năm 2018                     | Kế hoạch giao năm 2018 | Kế hoạch năm 2017 kéo dài |  |  |  |
| <b>TỔNG SỐ</b> |  |          |                  |  |  |         |                |                                    |                |  |                        |                           |  |  |  |
| A              | NGUỒN NSDP   |          |                  |  |  |         |                |                                    |                |  |                        |                           |  |  |  |
| 1              | Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Đăk Nia, đô thị Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông                        | 7032763  | 292              | Sở Xây dựng tỉnh Đăk Nông                  | 1328/QĐ-UBND<br>22/02/2004;<br>1236/QĐ-UBND<br>07/9/2011;<br>20/QĐ-SXD<br>13/3/2013;<br>1769/QĐ-UBND<br>05/11/2015 | 129.000 | 129.000        | 105.218                            | 105.218        | 11.004,600                                 | 11.000,000             | 4,600                     |  | 0%   |  |
| 2              | Doanh trại cơ quan quân sự thị xã Gia Nghĩa  | 7004686  | 011              | BCH quân sự thị xã Gia Nghĩa               | 1722/QĐ-UBND,<br>26/10/2010  | 39.649  | 39.649         | 27.655                             | 27.655         | 12.900,000                                 | 6.500,000              | 6.400,000                 | 501  | 8%   |  |
| 2              | Khối nhà lớp học 02 tầng (11 phòng), Trường THPT Phan Bội Châu, xã Nam Dong, huyện Cư Jut, tỉnh Đăk Nông | 7462238  | 074              | Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đăk Nông       | 101/QĐ-SKH<br>11/6/2014  | 6.157   | 947            | 5.061                              | 639            | 376,400                                    | 308,000                | 68,400                    | 0  | 0%   | Đối ứng ODA;<br>48/QĐ-STC<br>20/6/2017 |
| 3              | Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đăk Nông   | 7371035  | 251              | Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đăk Nông. | 2209/QĐ-UBND,<br>28/12/2010;<br>1438/QĐ-UBND<br>22/9/2015  | 12.839  | 12.839         | 10.486                             | 10.486         | 1.043,804                                  | 1.000,000              | 43,804                    |  | 0%   |  |

| STT | Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)  | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Chủ đầu tư   | Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm                     |        |                | Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017 |                | Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018 |                        |                           | Tình hình giải ngân Kế hoạch năm 2017 kéo dài đến hết 31/10/2018 | Tỷ lệ giải ngân kế hoạch chuyển nhiệm vụ chi | Ghi chú |
|-----|--|----------|------------------|--|---|--------|----------------|------------------------------------|----------------|--|------------------------|---------------------------|--|--|---------|
|     |  |          |                  |  | Số quyết định   | TMDT   | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)     | Trong đó: NSNN | Tổng kế hoạch năm 2018                     | Kế hoạch giao năm 2018 | Kế hoạch năm 2017 kéo dài |  |  |         |
|     |  |          |                  |  |   |        |                |                                    |                |  |                        |                           |  |  |         |
| 3   | Trạm y tế xã Quảng Trực  | 7601292  | 132              | Ban quản lý các dự án huyện Tuy Đức                  | 1528/QĐ-UBND 28/10/2016; 386/QĐ-UBND 07/3/2017                            | 5.427  | 5.000          | 2.500                              | 2.500          | 3.323.884                                  | 2.100.000              | 1.223.884                 |  | 0%   |         |
| 4   | Trường THPT chuyên tính Đăk Nông (giai đoạn 2)   | 7387303  | 074              | Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đăk Nông                 | 1403/QĐ-UBND, 26/10/2012; 2082/QĐ-UBND, 5/12/2013; 1093/QĐ-UBND 01/7/2016 | 67.745 | 67.745         | 54.143                             | 54.143         | 7.128.686                                  | 6.500.000              | 628.686                   | 172  | 27%  |         |
| 4   | Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Tuy Đức  | 7606899  | 075              | Ban quản lý các dự án huyện Tuy Đức                  | 172/QĐ-SXD 31/10/2016; 132/QĐ-SXD 12/6/2017                               | 11.473 | 11.473         | 4.000                              | 4.000          | 6.498.539                                  | 5.700.000              | 798.539                   |  | 0%   |         |
| 5   | Nâng cao năng lực cho Trung tâm Thông tin ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Đăk Nông.   | 7560159  | 103              | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đăk Nông.              | 501/QĐ-UBND 31/3/2016; 1426/QĐ-UBND 01/9/2017                             | 26.158 | 26.158         | 18.250                             | 18.250         | 6.880.424                                  | 3.000.000              | 3.880.424                 | 3  | 0%   |         |
| 5   | Đường hầm Sở chỉ huy cơ bản huyện Tuy Đức  | 7004686  | 011              | Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh                              | 1893/QĐ-UBND 31/10/2016   | 27.476 | 27.476         | 7.300                              | 7.300          | 9.036.633                                  | 9.000.000              | 36.633                    |  | 0%   |         |
| 6   | Đường Tô Hiến Thành (kéo dài) nối khu Trung tâm thị xã Gia Nghĩa đến đường Quang Trung | 7408339  | 292              | Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình thị xã Gia Nghĩa | 119/QĐ-SKH 19/6/2013; 327/QĐ-UBND 11/12/2017                              | 20.017 | 14.576         | 4.000                              | 4.000          | 13.500.000                                 | 9.500.000              | 4.000.000                 |  | 0%   |         |

| STT | Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)  | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Chủ đầu tư  | Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm |         |                | Lũy kế bồ trí vốn đến hết năm 2017 |                | Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018 |                        |                           | Tình hình giải ngân Kế hoạch năm 2017 kéo dài đến hết 31/10/2018 | Tỷ lệ giải ngân kế hoạch chuyển nhiệm vụ chi | Ghi chú   |  |  |  |
|-----|--|----------|------------------|---|---|---------|----------------|------------------------------------|----------------|--|------------------------|---------------------------|--|--|---|--|--|--|
|     |  |          |                  |   | Số quyết định   | TMĐT    | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)     | Trong đó: NSNN | Tổng kế hoạch năm 2018                     | Trong đó               |                           |  |  |   |  |  |  |
|     |  |          |                  |   |   |         |                |                                    |                |  | Kế hoạch giao năm 2018 | Kế hoạch năm 2017 kéo dài |  |  |   |  |  |  |
| 6   | N'Trang Lồng và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc 1912 - 1936 (giai đoạn I).   | 7329421  | 161              | Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đăk Nông. | 1013/QĐ-SKH, 17/12/2014                               | 67.758  | 12.799         | 21.275                             | 5.152          | 7.647,124                                  | 7.647,000              | 0,124                     |  | 0%   | Tượng đài Anh hùng N'Trang Lồng và các dân tộc Tây Nguyên |  |  |  |
| 7   | Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (dự án VNSat) tỉnh Đăk Nông   | 7544044  | 281              | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đăk Nông                                    | 1974/QĐ-UBND 08/12/2015                               | 260.679 | 33.335         | 900                                | 900            | 5.000,919                                  | 5.000,000              | 0,919                     |  | 0%   | Đối ứng ODA   |  |  |  |
| 7   | Hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở cán bộ, chiến sĩ Công an tỉnh Đăk Nông (Sùng Đức)   | 7004692  | 471              | Công an tỉnh  | 1244/QĐ-UBND, 13/9/2008                               | 17.810  | 17.810         |                                    |                | 0,200                                      |                        | 0,200                     |  | 0%   |   |  |  |  |
| 8   | Cáp nước sinh hoạt thuộc Công trình: Khu nhà ở cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh Đăk Nông (khu vực Tỉnh lộ 4)                           | 7004692  | 471              | Công an tỉnh  | 11/QĐ-SKH 28/01/2011                                  | 3.814   | 3.814          |                                    |                | 0,080                                      |                        | 0,080                     |  | 0%   |   |  |  |  |
| 8   | Hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở cán bộ, chiến sỹ Công an tỉnh Đăk Nông (Khu Hồ Đại Ia, giai đoạn 1)                                     | 7004692  | 471              | Công an tỉnh  | 176/QĐ-UBND, 31/01/2013                               | 31.062  | 31.062         |                                    |                | 305,622                                    |                        | 305,622                   |  | 0%   |   |  |  |  |
| 9   | Hỗ trợ tiền thuê nhà cho các hộ dân bị thu hồi đất thuộc dự án Trụ sở làm việc Công an tỉnh, Phòng CSPCCC, Phòng CSGT Công an tỉnh | 7004692  | 471              |   | 1241/QĐ-UBND 14/8/2015; 1238/QĐ-UBND 20/7/2016        | 2.011   | 2.011          |                                    |                | 0,600                                      |                        | 0,600                     |  | 0%   |   |  |  |  |
| 9   | Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Chi cục văn thư - Lưu trữ tỉnh (lần 2)   | 7278057  | 463              | Sở Nội vụ   | 768/QĐ-UBND 27/6/2014                                 | 203     | 203            |                                    |                | 3,486                                      |                        | 3,486                     |  | 0%   |   |  |  |  |

| STT | Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)  | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Chủ đầu tư                           | Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm |        |                | Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017 |                | Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018 |                        |                           | Tình hình giải ngân Kế hoạch năm 2017 kéo dài đến hết 31/10/2018 | Tỷ lệ giải ngân kế hoạch chuyên nghiệp vụ chi | Ghi chú |
|-----|--|----------|------------------|--------------------------------------|---|--------|----------------|------------------------------------|----------------|--|------------------------|---------------------------|--|---|---------|
|     |  |          |                  |                                      | Số quyết định   | TMDT   | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)     | Trong đó: NSNN | Tổng kế hoạch năm 2018                     | Kế hoạch giao năm 2018 | Kế hoạch năm 2017 kéo dài |  |   |         |
|     |  |          |                  |                                      |   |        |                |                                    |                |  |                        |                           |  |   |         |
| 10  | Trường THPT chuyên tinh Đăk Nông (giai đoạn 1)   | 7279895  | 494              | Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đăk Nông | 1254/QĐ-UBND, 09/02/2009 và 470/QĐ-UBND, 08/4/2013    | 33.940 | 33.940         |                                    |                | 109,031                                    |                        | 109,031                   |  | 0%  |         |
| 10  | Trường THCS Nguyễn Tất thành, thị trấn Gia Nghĩa   | 7048523  | 493              | UBND thị xã Gia Nghĩa                | 1141/QĐ-UBND 10/11/2004; 1462/QĐ-UBND 22/11/2006      | 8.267  | 8.267          |                                    |                | 0,661                                      |                        | 0,661                     |  | 0%  |         |
| 11  | Nhà trẻ xã Ea Pô thuộc dự án Quy hoạch ổn định dân cư tự do khu vực Cồn Dầu xã Ea Pô, huyện Cư Jut (HM: nhà sinh hoạt, nhà phục vụ, trang thiết bị, sân,...) | 7317148  | 491              | Ban quản lý các dự án huyện Cư Jut   | 901/QĐ-UBND, 21/5/2012                                | 2.754  | 578            |                                    |                | 16,461                                     |                        | 16,461                    |  | 0%  |         |
| 11  | Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học tỉnh Đăk Nông  | 7445946  | 495              | Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đăk Nông | 1359/QĐ-UBND, 12/9/2014                               | 14.131 | 14.131         |                                    |                | 1.122,879                                  |                        | 1.122,879                 |  | 0%  |         |
| 12  | Dự án nâng cấp, mở rộng hệ thống công nghệ thông tin các cơ quan Đảng tỉnh Đăk Nông  | 7369389  | 373              | Văn phòng Tỉnh ủy Đăk Nông           | 1350/QĐ-UBND 19/10/2012                               | 6.246  | 6.246          |                                    |                | 0,230                                      |                        | 0,230                     |  | 0%  |         |
| 12  | Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến trong các cơ quan Đảng tỉnh Đăk Nông   | 7534039  | 461              | Văn phòng Tỉnh ủy Đăk Nông           | 1145/QĐ-UBND, 29/7/2015; 1342/QĐ-UBND, 04/9/2015      | 8.631  | 8.631          |                                    |                | 0,644                                      |                        | 0,644                     |  | 0%  |         |
| 13  | Nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh Đăk Nông  | 7560225  | 373              | Văn phòng UBND tỉnh                  | 21/QĐ-STTTT 29/3/2016                                 | 2.999  | 2.999          |                                    |                | 0,588                                      |                        | 0,588                     |  | 0%  |         |

| STT | Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)   | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Chủ đầu tư  | Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm  |        |                | Lũy kế bồ trí vốn đến hết năm 2017 |                | Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018 |                        |                           | Tình hình giải ngân Kế hoạch năm 2017 kéo dài đến hết 31/10/2018 | Tỷ lệ giải ngân kế hoạch chuyển nhiệm vụ chi | Ghi chú |  |  |  |
|-----|---|----------|------------------|---|--|--------|----------------|------------------------------------|----------------|--|------------------------|---------------------------|--|--|---------|--|--|--|
|     |   |          |                  |   | Số quyết định  | TMĐT   | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)     | Trong đó: NSNN | Tổng kế hoạch năm 2018                     | Trong đó               |                           |  |  |         |  |  |  |
|     |   |          |                  |   |  |        |                |                                    |                |  | Kế hoạch giao năm 2018 | Kế hoạch năm 2017 kéo dài |  |  |         |  |  |  |
| 13  | Phần mềm văn phòng điện tử trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đăk Nông                             | 7560453  | 373              | Văn phòng UBND tỉnh                                     | 21a/QĐ-STTTT<br>29/3/2016                              | 2.999  | 2.999          |                                    |                | 0,204                                      |                        | 0,204                     |  | 0%   |         |  |  |  |
| 14  | Trạm Y tế xã Đák Wil, huyện Cư Jut, tỉnh Đăk Nông   | 7579987  | 521              | Ban quản lý các dự án huyện Cư Jút                      | 564B/QĐ-UBND<br>30/3/2016                              | 5.000  | 5.000          |                                    |                | 8,801                                      |                        | 8,801                     |  | 0%   |         |  |  |  |
| 14  | Đường giao thông lèn thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh tại xã Đức Xuyên          | 7430574  | 223              | UBND huyện Krông Nô                                     | 230/QĐ-SKH,<br>31/10/2013                              | 11.536 | 11.536         |                                    |                | 1,451                                      |                        | 1,451                     |  | 0%   |         |  |  |  |
| 15  | Sửa chữa, nâng cấp hồ Đák Láp, xã Đák Găk, huyện Đăk Mil  | 7481226  | 016              | Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đăk Nông | 01/QĐ-SKH,<br>06/01/2014;<br>235/QĐ-SKH,<br>30/10/2014 | 7.173  | 7.173          |                                    |                | 0,075                                      |                        | 0,075                     |  | 0%   |         |  |  |  |
| 15  | Đường cùi nạn, cùi hộ xã Buôn Choah, huyện Krông Nô   | 7309792  | 223              | UBND huyện Krông Nô                                     | 764/Q;10/6/2010; 656<br>17/5/2011                      | 73.505 | 73.505         |                                    |                | 0,103                                      |                        | 0,103                     |  | 0%   |         |  |  |  |
| 16  | Nhà khách tỉnh Đăk Nông   | 7284927  | 461              | Văn phòng Tỉnh ủy Đăk Nông                              | 1832/QĐ-UBND,<br>11/11/2013                            | 75.571 | 28.808         |                                    |                | 280,327                                    |                        | 280,327                   |  | 0%   |         |  |  |  |
| 16  | Đường vành đai 2, đoạn từ Trạm Y tế phường Nghĩa Phú đến cuối đường Lê Hồng Phong (Giai đoạn 1) | 7409568  | 223              | UBND thị xã Gia Nghĩa                                   | 988/QĐ-UBND,<br>28/6/2013                              | 34.351 | 13.000         |                                    |                | 0,047                                      |                        | 0,047                     |  | 0%   |         |  |  |  |
| 17  | Điều chỉnh, mở rộng đường Lê Lai, thị xã Gia Nghĩa  | 7396085  | 223              | UBND thị xã Gia Nghĩa                                   | 461/QĐ-UBND,<br>03/4/2013                              | 5.691  | 5.691          |                                    |                | 0,886                                      |                        | 0,886                     |  | 0%   |         |  |  |  |

| STT | Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)   | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Chủ đầu tư   | Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm |         |                | Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017 |                | Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018 |                        |                           | Tình hình giải ngân Kế hoạch năm 2017 kéo dài đến hết 31/10/2018 | Tỷ lệ giải ngân kế hoạch chuyển nhiệm vụ chi | Ghi chú |
|-----|---|----------|------------------|--|---|---------|----------------|------------------------------------|----------------|--|------------------------|---------------------------|--|--|---------|
|     |   |          |                  |  | Số quyết định   | TMDT    | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)     | Trong đó: NSNN | Tổng kế hoạch năm 2018                     | Kế hoạch giao năm 2018 | Kế hoạch năm 2017 kéo dài |  |  |         |
|     |   |          |                  |  |   |         |                |                                    |                |  |                        |                           |  |  |         |
| 17  | Đường đến khu sản xuất suối Đák Drí   | 7385135  | 223              | Ban quản lý dự án huyện Krông Nô                   | 2337/QĐ-UBND, 31/10/2012; 1962/QĐ-UBND 09/7/2014      | 2.779   | 2.221          |                                    |                | 0,059                                      |                        | 0,059                     |  | 0%   |         |
| 18  | Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đăk Nông  | 7155335  | 438              | Sở Lao động Thương binh và xã hội                  | 2129/QĐ-UBND 28/12/2012                               | 2.609   | 2.609          |                                    |                | 0,114                                      |                        | 0,114                     |  | 0%   |         |
| 18  | Trụ sở làm việc HĐND - UBND xã Đăk Ngo; Hạng mục: Trụ sở làm việc                     | 7593189  | 463              | UBND huyện Tuy Đức                                 | 1978/QĐ-UBND, 15/12/2010                              | 1.710   | 1.710          |                                    |                | 0,340                                      |                        | 0,340                     |  | 0%   |         |
| 19  | Tháp ăng ten tự đứng huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông                                   | 7366784  | 253              | Đài phát thanh truyền hình tỉnh                    | 97/QĐ-SKH; 231/QĐ-SKH, 31/10/2013                     | 4.053   | 4.053          |                                    |                | 12,841                                     |                        | 12,841                    |  | 0%   |         |
| 19  | Nâng cấp công trình thuỷ lợi Sapa Bu Đăk, xã Thuận An, huyện Đăk Mil                  | 7118420  | 016              | Công ty TNHH MTV Cà phê Thuận An.                  | 181/QĐ-UBND, 30/10/2008; 162/QĐ-UBND, 28/10/2009      | 7.729   | 59             |                                    |                | 59,000                                     |                        | 59,000                    | 23   | 39%  |         |
| 20  | Cáp nước sinh hoạt tập trung xã Nam Đà, huyện Krông Nô                                | 7042301  | 134              | UBND huyện Krông Nô                                | 58/QĐ-SKH 03/6/2008; 615/QĐ-UBND 14/11/2012           | 5.863   | 5.863          |                                    |                | 0,174                                      |                        | 0,174                     |  | 0%   |         |
| 20  | Cáp nước sinh hoạt tập trung xã Đăk R'Tih, huyện Tuy Đức                              | 7070911  | 134              | UBND huyện Tuy Đức                                 | 03/QĐ-SKH 06/01/2009                                  | 1.024   | 1.024          |                                    |                | 0,109                                      |                        | 0,109                     |  | 0%   |         |
| 21  | Tiêu dự án tinh Đăk Nông, thuộc dự án Phát triển đô thị vừa và nhỏ khu vực Miền Trung | 7073572  | 134              | Công ty cổ phần cấp nước và Phát triển đô thị tinh | 1571/QĐ-UBND 20/10/2011                               | 306.305 | 7.916          |                                    |                | 0,052                                      |                        | 0,052                     |  | 0%   |         |

| STT  | Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)  | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Chủ đầu tư  | Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm     |        |                | Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017 |                | Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018 |                        |                           | Tình hình giải ngân Kế hoạch năm 2017 kéo dài đến hết 31/10/2018 | Tỷ lệ giải ngân kế hoạch chuyển nhiệm vụ chi | Ghi chú                  |
|--|--|----------|------------------|---|---|--------|----------------|------------------------------------|----------------|--|------------------------|---------------------------|--|--|--------------------------|
|  |  |          |                  |   | Số quyết định   | TMĐT   | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)     | Trong đó: NSNN | Tổng kế hoạch năm 2018                     | Kế hoạch giao năm 2018 | Kế hoạch năm 2017 kéo dài |  |  |                          |
| 21   | Phương án bồi sung tiền thuê nhà dự án Đường nối 2 trung tâm hành chính tinh thuộc khu 131,5 ha Sùng Đức             | 7109602  | 223              | Trung tâm đo đạc và tư vấn TNMT                       | 489/QĐ-UBND<br>16/9/2009                                  | 10     | 10             |                                    |                | 0,200                                      |                        | 0,200                     |  | 0%   |                          |
| 22   | Bồi sung tiền thuê nhà cho các hộ dân bị thu hồi đất thuộc dự án Khu số 3 Sùng Đức                                   | 7109594  | 463              | Trung tâm đo đạc và tư vấn TNMT                       | 1506/QĐ-UBND<br>30/9/2009                                 | 5      | 5              |                                    |                | 0,278                                      |                        | 0,278                     |  | 0%   |                          |
| 22   | Cải tạo hội trường Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đăk Nông  | 7004686  | 468              | Bộ chỉ huy<br>Quân sự tỉnh<br>Đăk Nông                | 172/QĐ-SXD<br>31/10/2016;<br>213/QĐ-SXD<br>08/8/2017      | 2.981  | 2.981          |                                    |                | 37,297                                     |                        | 37,297                    |  | 0%   |                          |
| 23   | Đầu tư xây dựng tường rào, cổng, nhà bảo vệ và đường vào Trụ sở Tỉnh đoàn Đăk Nông và Trung tâm thanh thiếu nhi tỉnh | 7601854  | 462              | Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh<br>tỉnh Đăk Nông | 169/QĐ-SXD<br>31/10/2016;<br>188/QĐ-SXD<br>13/12/2016     | 2.351  | 2.351          |                                    |                | 7,402                                      |                        | 7,402                     |  | 0%   |                          |
| <b>B</b> Ngân sách trung ương hỗ trợ các Chương trình mục tiêu |  |          |                  |   |   |        |                |                                    |                |  |                        |                           |  |  |                          |
| 1  | Nâng cấp công trình thuỷ lợi Đăk Ru 1, xã Đăk Ru, huyện Đăk R'Lấp  | 7330649  | 283              | UBND huyện<br>Đăk R'Lấp                               | 227/QĐ-SKH,<br>30/10/2013                                 | 15.205 | 15.205         | 14.886                             | 14.886         | 249,000                                    | 143,000                | 106,000                   |  | 0%   | 155/QĐ-STC<br>17/11/2016 |
| 2  | Đường Đăk Mâm đi Đòn 7(759) - Tỉnh lộ 3 đoạn từ Km0+000 đến Km0+900 và đoạn nối với trục N7 thị trấn Đăk Mâm         | 7385219  | 292              | UBND huyện Krông Nô                                   | 1432/QĐ-UBND,<br>31/10/2012;<br>1838/QĐ-UBND<br>12/8/2016 | 78.035 | 78.035         | 67.500                             | 67.500         | 5.071,358                                  | 3.000,000              | 2.071,358                 | 209  | 10%  |                          |
| 3  | Đường vành đai phía Tây Nam, huyện Đăk Song  | 7407659  | 292              | UBND huyện<br>Đăk Song                                | 1720/QĐ-UBND,<br>30/10/2013                               | 37.000 | 37.000         | 30.900                             | 30.900         | 2.982,155                                  | 1.700,000              | 1.282,155                 | 300  | 23%  |                          |

| STT | Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)   | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Chủ đầu tư  | Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm                        |        |                | Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017 |                | Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018 |                        |                           | Tình hình giải ngân Kế hoạch năm 2017 kéo dài đến hết 31/10/2018 | Tỷ lệ giải ngân kế hoạch chuyển nhiệm vụ chi | Ghi chú |
|-----|---|----------|------------------|---|--|--------|----------------|------------------------------------|----------------|--|------------------------|---------------------------|--|--|---------|
|     |   |          |                  |   | Số quyết định  | TMDT   | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)     | Trong đó: NSNN | Tổng kế hoạch năm 2018                     | Kế hoạch giao năm 2018 | Kế hoạch năm 2017 kéo dài |  |  |         |
|     |   |          |                  |   |  |        |                |                                    |                |  |                        |                           |  |  |         |
| 4   | Đường giao thông từ trung tâm thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành - Nghĩa Thắng, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông | 7380136  | 292              | UBND huyện Đăk R'Lăp  | 1433/QĐ-UBND, 31/10/2012; 805/QĐ-CTUBND 05/4/2013; 3237/QĐ-CTUBND 18/11/2013 | 78.672 | 78.672         | 69.800                             | 69.800         | 2.021,995                                  | 2.000,000              | 21,995                    |  | 0%   |         |
| 5   | Trụ Sở làm việc Đoàn ca múa nhạc dân tộc tỉnh Đăk Nông  | 7246173  | 161              | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tinh | 1029/QĐ-UBND, 14/7/2010;   | 27.493 | 27.493         | 16.559                             | 16.559         | 13.000,000                                 | 5.000,000              | 8.000,000                 | 147  | 2%   |         |
| 6   | Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng Kiểm lâm tỉnh Đăk Nông                                   | 7053323  | 282              | Chi cục kiểm lâm tỉnh Đăk Nông  | 216/QĐ-UBND, 03/02/2016  | 60.464 | 41.998         | 18.157                             | 18.157         | 5.057,098                                  | 5.000,000              | 57,098                    |  | 0% (Giai đoạn 2015-2020)                     |         |
| 7   | Tháp ăng ten tự đứng huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông  | 7366783  |                  | Đài Phát thanh Truyền hình tinh   | 168/QĐ-SKH, 29/8/2013; 247/QĐ-SKH,12/11/2013                                 | 3.695  | 3.695          |                                    |                | 0,003                                      |                        | 0,003                     |  | 0%   |         |
| 8   | Hạ tầng khu dân cư BĐBP và khu tái định cư nhân dân (Khu A)   | 7004686  |                  | Bộ đội chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh Đăk Nông                                | 28/QĐ-SKH, 05/5/2011   | 18.864 | 18.864         |                                    |                | 0,194                                      |                        | 0,194                     |  | 0%   |         |
| 9   | Đường giao thông từ quốc lộ 14 đi trung tâm cụm xã Đăk R'tih, huyện Đăk R'lăp                                       | 7095945  |                  | UBND huyện Đăk R'Lăp  | 294/QĐ-UBND 08/3/2006; 665/QĐ-UBND 19/5/2010                                 | 27.921 | 27.921         |                                    |                | 356,716                                    |                        | 356,716                   |  | 0%   |         |

| STT | Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)   | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Chủ đầu tư  | Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm             |        |                | Lũy kế bồ trí vốn đến hết năm 2017 |                | Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018 |                        |                           | Tình hình giải ngân Kế hoạch năm 2017 kéo dài đến hết 31/10/2018 | Tỷ lệ giải ngân kế hoạch chuyển nhiệm vụ chi | Ghi chú |  |  |  |
|-----|---|----------|------------------|---|---|--------|----------------|------------------------------------|----------------|--|------------------------|---------------------------|--|--|---------|--|--|--|
|     |   |          |                  |   | Số quyết định   | TMĐT   | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)     | Trong đó: NSNN | Tổng kế hoạch năm 2018                     | Trong đó               |                           |  |  |         |  |  |  |
|     |   |          |                  |   |   |        |                |                                    |                |  | Kế hoạch giao năm 2018 | Kế hoạch năm 2017 kéo dài |  |  |         |  |  |  |
| 10  | Trụ sở làm việc Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đăk Nông   | 7384918  |                  | Quỹ đầu tư phát triển Đăk Nông                      | 1436/QĐ-UBND, 31/10/2012  | 16.072 | 16.072         |                                    |                | 92,544                                     |                        | 92,544                    |  | 0%   |         |  |  |  |
| 11  | Kè chống sạt lở Buôn Knha xã Đăk Wil, huyện Cư Jut  | 7263765  |                  | UBND huyện Cư Jut                                   | 103/QĐ-SKH, 06/7/2010; 41/QĐ-SKH, 10/8/2011                       | 13.540 | 13.540         |                                    |                | 12,442                                     |                        | 12,442                    |  | 0%   |         |  |  |  |
| 12  | Đường vào Sở chỉ huy thời chiến (công trình ST01)   | 7004686  |                  | Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đăk Nông                    | 926/QĐ-UBND, 21/6/2013  | 15.000 | 15.000         |                                    |                | 0,009                                      |                        | 0,009                     |  | 0%   |         |  |  |  |
| 13  | Trụ sở làm việc Huyện ủy Đăk G'Llong  | 7131606  |                  | Huyện Ủy Đăk G'Llong                                | 123/QĐ-SKH 18/8/2006; 167/QĐ-SKH 13/10/2006; 16/QĐ-SKH 07/03/2007 | 6.736  | 6.736          |                                    |                | 14,685                                     |                        | 14,685                    |  | 0%   |         |  |  |  |
| 14  | Nghĩa trang thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông   | 7196277  |                  | UBND thị xã Gia Nghĩa                               | 227/QĐ-SKH, 30/10/2013  | 15.205 | 15.205         |                                    |                | 0,596                                      |                        | 0,596                     |  | 0%   |         |  |  |  |
| 15  | Xây tường rào dài tường niệm huyện Tuy Đức  | 7307908  |                  | UBND huyện Tuy Đức                                  | 47/QĐ-SKH, 29/9/2011  | 17.783 | 17.783         |                                    |                | 156,000                                    |                        | 156,000                   |  | 0%   |         |  |  |  |
| 16  | Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Đăk Nông   | 7391958  |                  | Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Đăk Nông | 1630A/QĐ-UBND, 31/10/2012   | 1.340  | 1.340          |                                    |                | 352,000                                    |                        | 352,000                   |  | 0%   |         |  |  |  |
| 17  | Hồ Thác Hôn, xã Đức Mạnh, huyện Đăk Mil (thuộc danh mục công trình thủy lợi phục vụ đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa) | 7363877  |                  | UBND huyện Đăk Mil                                  | 169/QĐ-SKH, 31/10/2012  | 7.280  | 7.280          |                                    |                | 447,363                                    |                        | 447,363                   |  | 0%   |         |  |  |  |

| STT | Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)  | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Chủ đầu tư  | Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm   |         |                | Lũy kế bồ trí vốn đến hết năm 2017 |                | Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018 |                        |                           | Tình hình giải ngân Kế hoạch năm 2017 kéo dài đến hết 31/10/2018 | Tỷ lệ giải ngân kế hoạch chuyển nhiệm vụ chi | Ghi chú |
|-----|--|----------|------------------|---|---|---------|----------------|------------------------------------|----------------|--|------------------------|---------------------------|--|--|---------|
|     |  |          |                  |   | Số quyết định   | TMDT    | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)     | Trong đó: NSNN | Tổng kế hoạch năm 2018                     | Kế hoạch giao năm 2018 | Kế hoạch năm 2017 kéo dài |  |  |         |
|     |  |          |                  |   |   |         |                |                                    |                |  |                        |                           |  |  |         |
| 18  | Mở rộng vùng phủ sóng chương trình truyền hình địa phương tỉnh Đăk Nông                    | 7054437  |                  | Đài phát thanh truyền hình tinh   | 1714/QĐ-UBND, 12/11/2009  | 31.003  | 31.003         |                                    |                | 302,827                                    |                        | 302,827                   |  | 0%   |         |
| 19  | Thuỷ lợi Buôn Lang xã Quảng Phú, huyện Krông Nô  | 7091192  |                  | UBND huyện Krông Nô   | 1747/QĐ-UBND, 23/8/2006   | 4.961   | 4.961          |                                    |                | 214,426                                    |                        | 214,426                   | 18   | 8%   |         |
| 20  | Trạm quản lý bảo vệ rừng liên xã (Trạm số 2) thuộc dự án đầu tư rừng phòng hộ Nam Cát Tiên | 7281625  |                  | Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Cát Tiên  | 151/QĐ-SKH, 09/10/2009; 194/QĐ-SKH, 13/11/2012  | 600     | 600            |                                    |                | 82,226                                     |                        | 82,226                    |  | 0%   |         |
| 21  | Trụ sở làm việc Tỉnh ủy và Kho lưu trữ tài liệu tỉnh Đăk Nông                              | 7059254  |                  | Văn phòng Tỉnh ủy Đăk Nông  | 890/QĐ-UBND 16/9/2004   | 44.984  | 44.984         |                                    |                | 322,000                                    |                        | 322,000                   |  | 0%   |         |
| 22  | Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu trung tâm hành chính thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông         | 7036777  |                  | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tinh | 95/QĐ-CTUBND, 25/01/2005; 140/QĐ-CTUBND, 14/01/2010   | 55.923  | 55.923         |                                    |                | 0,027                                      |                        | 0,027                     |  | 0%   |         |
| 23  | Trụ sở làm việc UBND tỉnh Đăk Nông   | 7037509  |                  | Văn phòng UBND tinh   | 1399/QĐ-CTUBND, 24/10/2007; 532/QĐ-UBND 17/4/2010; 1977/QĐ-UBND, 26/12/2014; 72/QĐ-UBND, 14/01/2016 | 139.231 | 139.231        |                                    |                | 12,000                                     |                        | 12,000                    |  | 0%   |         |
| 24  | Hệ thống đèn chiếu sáng và đèn trang trí đường Bắc Nam giai đoạn 2, thị xã Gia Nghĩa       | 7430627  |                  | UBND thị xã Gia Nghĩa   | 232/QĐ-SKH, 31/10/2013  | 9.400   | 9.400          |                                    |                | 14,251                                     |                        | 14,251                    |  | 0%   |         |

| STT | Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)  | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Chủ đầu tư  | Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm |                           |                | Lũy kế bồ trí vốn đến hết năm 2017 |                | Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018 |          |        | Tình hình giải ngân Kế hoạch năm 2017 kéo dài đến hết 31/10/2018 | Tỷ lệ giải ngân kế hoạch chuyển nhiệm vụ chi | Ghi chú |
|-----|--|----------|------------------|---|---|---------------------------|----------------|------------------------------------|----------------|--|----------|--------|--|--|---------|
|     |  |          |                  |   | Số quyết định   | TMĐT                      | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)     | Trong đó: NSNN | Tổng kế hoạch năm 2018                     | Trong đó |        |  |  |         |
|     |  |          |                  |   | Kế hoạch giao năm 2018                                | Kế hoạch năm 2017 kéo dài |                |                                    |                |  |          |        |  |  |         |
| 25  | Đường trực chính huyện Tuy Đức   | 7224611  |                  | UBND huyện Tuy Đức  | 1286/QĐ-UBND, 27/10/2009; 906/QĐ-UBND.                | 55.848                    | 55.848         |                                    |                | 40,344                                     |          | 40,344 |  |  | 0%      |
| 26  | Trung tâm Hội nghị và nhà khách tỉnh Đăk Nông  | 7032586  |                  | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh | 891/QĐ-UB, 16/9/2004; 1977/QĐ-UBND, 27/12/2007        | 103.526                   | 103.526        |                                    |                | 0,077                                      |          | 0,077  |  |  | 0%      |
| 27  | Trạm y tế 02 tầng xã Thuận Hà, huyện Đăk Song  | 7381539  |                  | UBND huyện Đăk Song   | 1173/QĐ-UBND, 31/10/2012 của UBND huyện Đăk Song      | 5.000                     | 5.000          |                                    |                | 9,988                                      |          | 9,988  |  |  | 0%      |
| C   | Nguồn TPCP   |          |                  |   |   | 81.334                    | 74.434         | 0                                  | 0              | 60.084                                     | 0        | 60.084 | 41.670   |  |         |
| 1   | Các công trình thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Krông Nô  |          |                  | UBND huyện Krông Nô   | 1070/QĐ-UBND ngày 29/6/2017;                          | 18.000                    | 16.600         |                                    |                | 9.445                                      |          | 9.445  | 8.502  | 90%  |         |
| 2   | Các Công trình thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Đăk Song  |          |                  | UBND huyện Đăk Song   | 1329/QĐ-UBND 14/8/2017                                | 16.300                    | 16.300         |                                    |                | 14.551                                     |          | 14.551 | 7.075  | 49%  |         |
| 3   | Các Công trình thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Đăk Glong |          |                  | UBND huyện Đăk Glong  | 1318/QĐ-UBND 11/8/2017                                | 24.600                    | 19.100         |                                    |                | 16.722                                     |          | 16.722 | 14.776   | 88%  |         |

| STT | Nguồn vốn - Danh mục công trình (dự án)   | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Chủ đầu tư         | Quyết định đầu tư được cấp thẩm quyền giao KH các năm |        |                | Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2017 |                | Kế hoạch vốn được giải ngân trong năm 2018 |                        |                           | Tình hình giải ngân Kế hoạch năm 2017 kéo dài đến hết 31/10/2018 | Tỷ lệ giải ngân kế hoạch chuyên nhiệm vụ chỉ | Ghi chú |
|-----|---|----------|------------------|--------------------|---|--------|----------------|------------------------------------|----------------|--|------------------------|---------------------------|--|--|---------|
|     |   |          |                  |                    | Số quyết định   | TMĐT   | Trong đó: NSNN | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)     | Trong đó: NSNN | Tổng kế hoạch năm 2018                     | Kế hoạch giao năm 2018 | Kế hoạch năm 2017 kéo dài |  |  |         |
|     |   |          |                  |                    |   |        |                |                                    |                |  |                        |                           |  |  |         |
| 4   | Các dự án thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Tuy Đức |          |                  | UBND huyện Tuy Đức | 195/QĐ-SXD<br>19/7/2017;<br>273/QĐ-SXD<br>13/10/2017  | 11.817 | 11.817         |                                    |                | 10.400                                     |                        | 10.400                    | 6.362  | 61%  |         |
| 5   | Các dự án thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Đăk Mil |          |                  | UBND huyện Đăk Mil | 196/QĐ-SXD;<br>19/7/2017;<br>257/QĐ-SXD<br>21/9/2017  | 10.617 | 10.617         |                                    |                | 8.967                                      |                        | 8.967                     | 4.956  | 55%  |         |